TT	Tên tiêu chí	Xã Lâm Hợp
I	**Về Cơ sở hạ tầng thông tin**	
1	Tổng số máy tính để bàn của cán bộ công chức	18
2	Tổng số máy tính xách tay (laptop) của cán bộ công chức	8
3	Tổng số máy tính để bàn của cán bộ bán chuyên trách	5
4	Tổng số máy tính xách tay (Laptop) của cán bộ bán chuyên trách	7
5	Kết nối internet băng rộng cáp đồng (xDSL)	Không
6	Kết nối internet băng rộng bằng cáp quang (FTTH)	Có
7	Kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng	Có
8	Hệ thống chống sét lan truyền bảo vệ mạng LAN	Có
9	Tổng số máy tính có kết nối Internet	38
10	Tổng số máy in	22
11	Tổng số máy quét (Scan) đang hoạt động	4
12	Tổng số máy quét (Scan) hỏng 1-3 tháng	
13	Có tường lửa (Fire Wall) bảo vệ mạng LAN	Có
14	Có hệ thống giám sát truy nhập bảo vệ mạng LAN	Có
15	Màn hình cỡ lớn hoặc bảng LED điện tử hiển thị công khai lịch công tác hàng ng	Có
16	Có phòng họp trực tuyến	Không
17	Màn hình tra cứu thủ tục hành chính (TTHC) phục vụ người dân	Không
18	Đầu đọc mã vạch tra cứu hồ sơ TTHC tại bộ phân "Một cửa"	Không
19	Màn hình hiển thị kết quả giải quyết thủ tục hành chính để người dân, lãnh đạo th	Không
20	Tổng số hộ gia đình có máy tính	796
21	Tổng số hộ gia đình có kết nối internet băng rộng	796
22	Số doanh nghiệp trên địa bàn có kết nối Internet băng rộng	7
23	Số điểm BĐVHX và Bưu cục có kết nối Internet	1
24	Số điểm BĐVHX và Bưu cục có đại lý Internet	2
II	**Về Nhân lực CNTT**	
1	Số Cán bộ chuyên trách CNTT được hưởng chính sách theo Nghị quyết 93/2014/	1
2	Số cán bộ chuyên trách CNTT cấp xã có trình độ đại học chuyên ngành CNTT trở lên	
3	Số lượt tập huấn chuyên chuyên sâu về CNTT cho cán bộ chuyên trách CNTT tro	1
4	Số CBCC có chứng chỉ tin học theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/201	35
5	Số lượt tập huấn nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT cho cán bộ công chức trong r	1
III	**Về Môi trường chính sách**	
1	Kế hoạch ứng dụng CNTT năm	Có
2	Văn bản về cơ chế, chính sách và chỉ đạo tổ chức ứng dụng CNTT trong năm	Có
3	Quyết định bổ nhiệm Lãnh đạo CIO	Có
4	Quyết định bổ nhiệm cán bộ chuyên trách CNTT	Có
5	Văn bản quy định về bảo đảm an toàn an ninh thông tin nội bộ	Có
6	Văn bản quy định về gửi nhận văn bản điện tử, ứng dụng chữ ký số	Có
7	Quy chế hoạt động của Ban Biên tập Cổng/Trang TTĐT	Có
8	Quy định về quản lý, vận hành và cung cấp thông tin trên Cổng/ trang TTĐT	Có
9	Văn bản khác về tổ chức ứng dụng các hệ thống thông tin	Có
10	Tổng ngân sách chi cho CNTT trong năm (Triệu đồng)	30
IV	**về mức độ "Hiện diện"**	
1	Cổng/ trang thông tin điện tử	Có
2	Thông tin về lịch sử phát triển, truyền thống văn hóa	Có
3	Thông tin về điều kiện tự nhiên, KTXH	Có
4	Thông tin về địa giới hành chính địa phương, bản hồ hành chính	Có
5	Thông tin về cán bộ lãnh đạo	Có

6	Thông tin giao dịch chính thức	Có
7	Số Kế hoạch/ lịch công tác hàng tháng được cập nhật công khai kịp thời	6
8	Số Ý kiến chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo được cập nhật công khai hàng tháng	5
9	Số bài viết tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật nói chung	32
10	Số bài viết tuyên truyền về chế độ, chính sách lao động	11
11	Số bài viết tuyên truyền về chế độ, chính sách người có công	12
12	Số bài viết tuyên truyền về chiến lược, định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triể	14
13	Số bài viết tuyên truyền về hoạt động quản lý, khai thác tài nguyên thiên nhiên	18
14	Số bài viết tuyên truyền về vệ sinh môi trường, rác thải	37
15	Số bài viết tuyên truyền về an toàn vệ sinh thực phẩm	28
16	Số bài viết về phát triển sản xuất kinh doanh, mùa vụ,…	28
17	Thông tin kế hoạch sử dụng đất	Có
18	Quy hoạch/ kế hoạch/ chính sách thu gom, tái chế và xử lý chất thải, quản lý và k	Có
19	Liên kết CSDL văn bản QPPL cấp huyện, cấp tỉnh và trung ương	Có
20	Danh mục dự án đang đầu tư và đã hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm	Có
21	Danh mục dự án chuẩn bị đầu tư, đang mời gọi đầu tư	Có
22	Thông tin về sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học	Không
23	Báo cáo Kinh tế xã hội 6 tháng	Có
24	Báo cáo Kinh tế xã hội năm	Có
25	Số Báo cáo an toàn vệ sinh thực phẩm hàng quý	3
26	Báo cáo vệ sinh an toàn thực phẩm năm	Có
27	Số Báo cáo về môi trường hàng quý	3
28	Báo cáo năm về môi trường	Có
29	Số Báo cáo về đất đai hàng quý	2
30	Báo cáo năm về đất đai	Có
31	Số Báo cáo về dân số, lao động hàng quý	3
32	Chuyên mục Ý kiến góp ý/ Hỏi đáp	Có
33	Số ý kiến góp ý, hỏi đáp tiếp nhận được	6
34	Số ý kiến góp ý, hỏi đáp tiếp được phản hồi công khai trên Trang TTĐT	
35	Báo cáo năm về đất đai, dân số, lao động	Có
36	Chức năng hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận thông tin	Không
37	Cung cấp DVC TT mức độ 4	Có
38	Số DVC TT mức độ 1 và 2	164
39	Số DVC TT mức độ 3	53
V	**Về mức độ "Tương tác"**	
1	Số cán bộ công chức được cấp phát tài khoản và sử dụng thường xuyên phần mềm	29
2	Số bán chuyên trách được cấp phát tài khoản và sử dụng thường xuyên phần mềm	10
3	Tổng số bản văn bản đến	873
4	Tổng số văn bản đi	520
5	Tổng số văn bản đến từ UBND cấp huyện	818
6	Tổng số văn bản đến được tiếp nhận, số hóa và quản lý trên phần mềm QLHS&Đ	873
7	Tổng số văn bản đi được số hóa và quản lý trên phần mềm QLHS&ĐHTN	113
8	Tổng số văn bản đi được ký số bằng chữ ký số cơ quan và gửi đi trên môi trường	113
9	Số cán bộ công chức được cấp hộp thư điện tử chuyên dùng của cơ quan nhà nướ	24
10	Số cán bộ công chức cấp xã thường xuyên sử dụng thư điện tử chuyên dùng để gử	29
11	Ứng dụng phần mềm quản lý một cửa/TT HCC tại UBND cấp xã	Có
12	Số TTHC đưa vào vận hành qua phần mềm 1 cửa cấp xã	164
13	Số hồ sơ tiếp nhận (đủ điều kiện thụ lý) trong năm tại UBND cấp xã	1820
14	Số hồ sơ tiếp nhận được công khai tình trạng thụ lý trên phần mềm 1 cửa cấp xã	1500

15	Phần mềm quản lý đơn thư, khiếu nại và tố cáo	Không
16	Phần mềm kế toán và quản lý tài sản công	Có
17	Phần mềm quản lý cán bộ công chức	Có
18	Phần mềm quản lý hộ tịch, dân cư	Có
19	Phần mềm quản lý đối tượng chính sách, người có công	Có
20	Phần mềm quản lý địa chính, xây dựng/ quy hoạch đô thị	Có
21	Phần mềm quản lý truyền thanh cơ sở	Có
22	Số máy tính cấp xã cài đặt hệ điều hành nguồn mở	20
23	Số máy tính cấp xã cài đặt các phần mềm ứng dụng văn phòng nguồn mở	
VI	**Về mức độ "Giao dịch"**	
1	Số DVC TT mức độ 3 cấp xã	53
2	Cung cấp DVC TT mức độ 4 cấp xã	Có
3	Số DVC TT mức độ 4 cấp xã	53
4	Tổng số hồ sơ tiếp nhận tại cấp xã	1054
5	Số hồ sơ tiếp nhận qua DVC TT mức độ 3 cấp xã (đủ điều kiện thụ lý)	2
6	Số hồ sơ tiếp nhận qua DVC mức độ 4 tại cấp xã (đủ điều kiện thụ lý)	
7	Số hồ sơ được công khai tình trạng thụ lý trên phần mềm 1 cửa cấp xã	1054
8	Số hồ sơ TTHC cấp xã trả đúng hạn (trong năm)	1054
9	Số hồ sơ tiếp nhận qua DVC TT mức độ 3 và 4 cấp xã được trả đúng hạn	2
10	Số cuộc họp giữa cấp huyện với cấp xã	18
11	Số cuộc họp trực tuyến giữa cấp huyện với cấp xã	
12	Tổng số ý kiến phản ánh, góp ý của các tổ chức, cá nhân gửi đến cấp xã	16
13	Số ý kiến của các tổ chức, cá nhân được trả lời công khai trên Cổng,Trang TTĐT	8
14	Tổng số dân cư được số hóa, quản lý trong CSDL dân cư quốc gia	7500
VII	**Về mức độ "Chuyển đổi"**	
1	Ứng dụng quản lý người dùng và đăng nhập một lần cho tất cả các phần mềm ứng	Có
2	Tổng số hồ sơ TTHC liên thông từ cấp xã - huyện nhận được tại cấp xã	520
3	Số hồ sơ liên thông được cấp xã gửi trực tuyến lên cấp huyện	520

Lâm Hợp, ngày 24 tháng 6 năm 2021

Người báo cáo

Lê Ngọc Hiền

TM.UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Thái Hoa